

Số: /BC-UBND

Điện Biên, ngày tháng 11 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình, kết quả triển khai thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên

Căn cứ Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 24/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Nghị quyết số 25/2021/QH15 ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Quốc hội phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; Nghị Quyết số 111/2024/QH15 và các quy định về quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14 tháng 10 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I từ năm 2021 đến năm 2025; Quyết định số 90/QĐ-TTg ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025.

Thực hiện quy định tại khoản 22 Điều 1 Nghị định số 38/NĐ-CP ngày 24/6/2023 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, UBND tỉnh Điện Biên tổng hợp, báo cáo kết quả triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024 trên địa bàn tỉnh Điện Biên cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC QUẢN LÝ, CHỈ ĐẠO THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Cụ thể hóa các Nghị quyết của Quốc hội, văn bản chỉ đạo, điều hành của

Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương; UBND tỉnh Điện Biên đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo:

1. Tỉnh Điện Biên kiện toàn và ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo các Chương trình mục tiêu quốc gia tỉnh Điện Biên giai đoạn 2021-2025¹; ban hành Nghị quyết của Tỉnh ủy để chỉ đạo và Nghị quyết của HĐND tỉnh về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách Trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương, Quyết định của UBND tỉnh về quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và danh mục dự án được áp dụng cơ chế đặc thù²; ban hành 03 Kế hoạch tổ chức thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025³ và các nội dung liên quan khác theo nhiệm vụ được giao để tổ chức triển khai thực hiện Chương trình để phân đầu hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

2. Từ 01/01/2024 đến nay, UBND tỉnh đã ban hành 02 Quyết định thuộc thẩm quyền; HĐND tỉnh ban hành 02 Nghị quyết quy định, hướng dẫn tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn⁴. Như vậy, tính đến thời điểm hiện tại tỉnh Điện Biên đã cơ bản ban hành đầy đủ các văn bản để tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành quy định.

II. TÌNH HÌNH PHÂN BỔ, GIẢI NGÂN NGUỒN VỐN THỰC HIỆN 03 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

1. Công tác phân bổ kế hoạch vốn

Ngay sau khi được Thủ tướng Chính phủ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính phân bổ, giao kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và năm 2024, UBND tỉnh đã chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các huyện thị xã, thành phố phối hợp rà soát, tổng hợp, tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh thông qua và phân bổ chi tiết kế hoạch vốn cho các cơ quan, đơn vị để tổ chức triển khai thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia và đạt được kết quả như sau:

1.1. Phân bổ kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025: Đã hoàn thành phân bổ 4.338.837 triệu đồng⁵ (đạt 100% kế hoạch vốn giao).

¹ Tại Quyết định số 3387/QĐ-UBND ngày 31/12/2021 và Quyết định số 926/QĐ-BCĐ ngày 20/5/2022

² Quyết định số 20/2022/QĐ-UBND ngày 27/6/2022 và Quyết định số 2035/QĐ-UBND ngày 04/11/2022.

³ Kế hoạch số 1986/KH-UBND ngày 29/6/2022 thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới; Kế hoạch số 2000/KH-UBND ngày 30/6/2022 thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững; Kế hoạch số 2674/KH-UBND ngày 22/8/2022 thực hiện Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

⁴ Nghị quyết số 05/2024/NQ-HĐND ngày 18/06/2024 Quy định định mức chi ngân sách nhà nước hỗ trợ, nội dung hỗ trợ, mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục, tiêu chí lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất liên kết theo chuỗi giá trị và cộng đồng thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh; Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày 11/07/2024 của HĐND tỉnh Lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2024-2025 tỉnh; Quyết định Số 17/2024/QĐ-UBND ngày 29/5/2024 của UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

⁵ Trong đó: Chương trình phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phân bổ 2.530.902 triệu đồng; Chương trình giảm nghèo bền vững được phân bổ 1.434.515 triệu đồng; Chương trình xây dựng nông thôn mới được phân bổ 373.420 triệu đồng.

1.2. Phân bổ kế hoạch vốn ngân sách Trung ương năm 2024:

Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 2.165.363/2.170.592 triệu đồng⁶ (đạt 99,76% kế hoạch vốn giao; trong đó chưa phân bổ 5.229 triệu đồng thuộc nguồn vốn nước ngoài thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới do hết nhiệm vụ chi, dự kiến phân bổ cho các nhiệm vụ chi được cấp có thẩm quyền cho phép bổ sung năm 2024 hoặc 2025), cụ thể như sau:

a) *Vốn đầu tư phát triển*: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 1.389.040/1.394.269 triệu đồng (đạt 99,62% kế hoạch) trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã phân bổ 729.901 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch), để thực hiện đầu tư cho 295 công trình, dự án.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã phân bổ 433.909 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch), để thực hiện 84 dự án (bao gồm các dự án tiếp chi hoàn thành, dự án tiếp chi, dự án khởi công mới và chuẩn bị đầu tư).

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã phân bổ 161.283/166.512 triệu đồng (đạt 96,86% kế hoạch), (trong đó: Vốn trong nước 102.565 triệu đồng và vốn nước ngoài 58.718 triệu đồng) để thực hiện 88 dự án khởi công mới và 10 dự án tiếp chi.

b) *Vốn sự nghiệp*: Đã hoàn thành phân bổ chi tiết 776.323 triệu đồng (đạt 100% kế hoạch), trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi được phân bổ 466.895 triệu.

- Chương trình giảm nghèo bền vững được phân bổ 282.924 triệu đồng.

- Chương trình xây dựng nông thôn mới được phân bổ 26.504 triệu đồng.

(Chi tiết có Biểu số 01 kèm theo)

2. Tình hình giải ngân

a) Đến thời điểm 31/10/2024 đã thực hiện giải ngân 654.354 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 46,9% Kế hoạch vốn giao) và 197.106 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 25,4% KH vốn giao), chi tiết như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đã giải ngân 388.999 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 53,3%) và 100.330 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 21,5%).

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững đã giải ngân 185.324 triệu đồng vốn đầu tư phát triển đạt 43% và 90.107 triệu đồng vốn sự nghiệp đạt 31,8% kế hoạch.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới đã giải ngân 70.928 triệu đồng vốn đầu tư phát triển (đạt 42,6%) và 6.669 triệu đồng vốn sự nghiệp (đạt 25,2%).

⁶ Tại Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 12/12/2023 và Quyết định số 924/QĐ-UBND ngày 21/05/2024.

b) Dự kiến giải ngân đến hết ngày 31/01/2025

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi dự kiến giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt trên 95% và vốn sự nghiệp đạt trên 71%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững dự kiến giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt trên 95% và vốn sự nghiệp đạt trên 79%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới dự kiến giải ngân vốn đầu tư phát triển đạt trên 95% và vốn sự nghiệp đạt trên 75%.

(Chi tiết có Biểu số 02 kèm theo)

III. MỨC ĐỘ ĐẠT ĐƯỢC KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ SO VỚI KẾ HOẠCH HÀNG NĂM

1. Kế hoạch giao thực hiện năm 2024

Tại Quyết định số 653/QĐ-TTg ngày 28/5/2022, Thủ tướng Chính phủ giao dự toán ngân sách Trung ương năm 2022 thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia, tại Phụ lục số II kèm theo Quyết định có giao nhiệm vụ thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia của tỉnh Điện Biên năm 2024 như sau:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi: Tỷ lệ hộ nghèo vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giảm 5%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững: Tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn giảm 4%.

- Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới: Có 20% tổng số xã đạt chuẩn nông thôn mới và 13% số xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao.

2. Kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2024

2.1. Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Kết quả Chương trình MTQG phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, tính đến ngày 31/10/2024, đã hoàn thành 15 chỉ tiêu chủ yếu của Chương trình đề ra cụ thể như sau:

+ Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS) trung bình mỗi năm 5,12/5% (chỉ tiêu được trung ương giao).

+ Tỷ lệ thôn có đường ô tô đến trung tâm được cứng hóa đạt 78,70/70%.

+ Tỷ lệ đồng bào DTTS được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 93,20/85%.

+ Tỷ lệ lao động trong độ tuổi được đào tạo nghề đạt 33,2/33,2%.

+ Tỷ lệ học sinh học mẫu giáo 05 tuổi đến trường đạt 99,93/99%.

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học tiểu học đến trường đạt 99,88/99,84%.

+ Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THCS đến trường đạt 98,12/96,7%.

- + Tỷ lệ học sinh trong độ tuổi học THPT đến trường đạt 72,10/70,2%.
- + Tỷ lệ thôn có nhà sinh hoạt cộng đồng đạt 55,74/55%.
- + Tỷ lệ thôn có đội văn hóa, văn nghệ truyền thống hoạt động thường xuyên, có chất lượng đạt 71,03/50%.
- + Tỷ lệ phụ nữ sinh con tại cơ sở y tế hoặc có sự hỗ trợ của nhân viên y tế đạt 84,60/67%.
- + Tỷ lệ phụ nữ mang thai được thăm khám định kỳ (ít nhất 4 lần trong thai kỳ) đạt 78,70/60%.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi đạt 24,56/<24,7%.
- + Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân đạt 14,70/<14,8%.
- + Tỷ lệ trạm y tế xã vùng DTTS và miền núi đủ điều kiện khám chữa bệnh bảo hiểm y tế đạt 100%/100%.

2.2. Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững

Dự kiến năm 2024, tỷ lệ hộ nghèo toàn tỉnh giảm trên 4% và tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm từ 5,5% trở lên. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5% đạt và vượt mục tiêu hằng năm theo kế hoạch.

2.3. Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới

Đến nay, tỉnh Điện Biên chưa có đơn vị cấp huyện đạt chuẩn nông thôn mới/hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới. Chưa đạt so với mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao (*có 02 đơn vị cấp huyện hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới*); Chưa có xã nông thôn mới kiểu mẫu được công nhận. Chưa đạt so với mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao (*tỷ lệ xã nông thôn mới đạt 8%, tương đương với 01 xã*); Có 04 xã nông thôn mới nâng cao được công nhận đạt 17,39%, vượt 5,39% so mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao (*tỷ lệ xã nông thôn mới nâng cao đạt 12%, tương đương với 03 xã*); Có 23 xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận, chiếm 20% tổng số xã, đạt 92,17% so mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao (*tỷ lệ xã nông thôn mới đạt 21,7%, tương đương với 25 xã*); Số tiêu chí bình quân 14,3 tiêu chí/xã; Có 179 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu.

Ước thực hiện đến hết năm 2024 toàn tỉnh có 05 xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt 20,83% vượt 8,83% so với mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao; có 24 xã đạt chuẩn nông thôn mới được công nhận, chiếm 20,87% tổng số xã, đạt 96,17% so mục tiêu, nhiệm vụ Thủ tướng giao; số tiêu chí bình quân đạt 15,05 tiêu chí/xã; có 200 thôn, bản được công nhận đạt chuẩn nông thôn mới và nông thôn mới kiểu mẫu.

3. Về cơ chế thí điểm phân cấp cho cấp huyện trong quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024 – 2025 theo Nghị quyết số 111/2024/QH15

3.1. Tình hình triển khai thực hiện

HĐND tỉnh Điện Biên đã ban hành Nghị quyết số 193/NQ-HĐND ngày

11/7/2024 về lựa chọn huyện thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp trong quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia, giai đoạn 2024-2025, tỉnh lựa chọn huyện Tuần Giáo để thực hiện thí điểm. Căn cứ Nghị quyết của HĐND tỉnh, UBND tỉnh Điện Biên đã ban hành Quyết định số 1673/QĐ-UBND ngày 13/9/2024 về giao mục tiêu, nhiệm vụ, yêu cầu cụ thể trong thực hiện thí điểm cơ chế phân cấp quản lý, tổ chức thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2024-2025, trên địa bàn huyện Tuần Giáo để tổ chức triển khai thực hiện.

3.2. *Khó khăn vướng mắc: Không.*

4. Đánh giá chung

- Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết chỉ đạo thực hiện; HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành chung của các Chương trình mục tiêu quốc gia và các văn bản quy định, hướng dẫn riêng để thực hiện Chương trình, bảo đảm bám sát tình hình thực tiễn và phù hợp năng lực thực thi của các cấp cơ sở; kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc trong quá trình tổ chức triển khai, đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia.

Một số dự án thuộc chương trình hoàn thành, góp phần vào việc hoàn thiện cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn và miền núi tại tỉnh, bước đầu mang lại lợi ích cho đối tượng thụ hưởng. Công tác thông tin tuyên truyền tiếp tục được triển khai sâu rộng, thu hút sự tham gia tích cực của các cấp, các ngành, các tổ chức chính trị - xã hội và cộng đồng người dân nông thôn.

Một số mô hình ứng dụng khoa học - công nghệ dần được hình thành; công tác phát triển sản xuất nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống, giảm tỷ lệ hộ nghèo ở nông thôn đã được quan tâm đầu tư; thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn toàn tỉnh tăng lên.

Văn hóa - xã hội có nhiều tiến bộ, an sinh xã hội cơ bản được đảm bảo; chất lượng giáo dục tiếp tục được nâng lên, cơ sở vật chất trường lớp được quan tâm đầu tư; nhiều thiết chế văn hóa được đầu tư; chăm sóc y tế, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân tiếp tục được cải thiện.

Những kết quả đó đã góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh và giữ vững trật tự an toàn xã hội trên địa bàn tỉnh.

- Một số chỉ tiêu cụ thể về giảm tỷ lệ hộ nghèo: Dự kiến năm 2024, tổng số hộ nghèo toàn tỉnh giảm còn 31.385 hộ (chiếm tỷ lệ 22,03%), giảm 12,87% tỷ lệ hộ nghèo so với đầu kỳ đạt 80,43% mục tiêu đến 2025; tỷ lệ hộ nghèo tại các huyện nghèo giảm bình quân hằng năm từ 5,5% trở lên và tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 5%; đạt và vượt mục tiêu hằng năm theo kế hoạch.

IV. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC PHÁT SINH VÀ NGUYÊN NHÂN

1. Khó khăn, vướng mắc

- Quốc hội, Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương rất quyết liệt trong việc rà soát, đề xuất, điều chỉnh về cơ chế, chính sách thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia. Tuy nhiên, hiện nay một số nội dung về bất cập về cơ chế, đối tượng tại một số tiểu dự án, Dự án quy định vẫn còn vướng mắc chưa tạo điều

kiện cho các địa phương triển khai thực hiện, chưa được tháo gỡ⁷.

- Công tác chuẩn bị đầu tư dự án còn lại và tiến độ thực hiện các dự án, tiểu dự án, nội dung thành phần của các Chương trình còn chậm, giải ngân vốn chưa cao. Một số dự án, tiểu dự án được phân bổ nguồn kinh phí lớn vượt quá nhu cầu thực tế, một số tiểu dự án nguồn kinh phí được cấp từ 02 Chương trình mục tiêu quốc gia. Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên không thuộc đối tượng mua sắm trang thiết bị, mức hỗ trợ đào tạo nghề còn thấp.

- Việc đối ứng ngân sách địa phương để thực hiện các Chương trình mục tiêu tại một số huyện còn chậm, đặc biệt là Chương trình giảm nghèo còn khó khăn nhất là đối ứng thực hiện Dự án 5 về hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo tại các huyện nghèo⁸; một số huyện đối ứng ngân sách địa phương chưa phù hợp còn đối ứng vào các dự án, tiểu dự án khó giải ngân nguồn kinh phí.

- Một số xã còn khó khăn, lúng túng trong việc triển khai các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất do chưa có hướng dẫn việc mua sắm cây trồng, vật nuôi và những hàng hoá dịch vụ do người dân trực tiếp sản xuất; ngoài ra, các cơ sở cung cấp con giống trên địa bàn không đáp ứng theo quy định của Luật chăn nuôi khó khăn cho việc thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất. Một số cây trồng được chuyển đổi nhưng kém phát triển do không phù hợp với điều kiện thổ nhưỡng, khí hậu hoặc do không có sự chăm sóc của người dân. Mặc dù Quốc hội ban hành Nghị quyết 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia; theo đó có cơ chế mua con giống do người dân sản xuất, tuy nhiên, con giống do người dân sản xuất không đáp ứng được quy định của Luật Chăn nuôi, nên hiện nay chưa thực hiện được.

- Trình độ năng lực của cán bộ, công chức cấp xã không đồng đều, hay thay đổi, luân chuyển cán bộ mới vì vậy mất nhiều thời gian cho công tác cập nhật thông tin và làm quen công việc. Thiếu cán bộ làm việc chuyên trách, nên khó khăn, chậm tiến độ trong việc tổ chức triển khai thực hiện Chương trình. Đội ngũ cán bộ quản lý, theo dõi chương trình tại địa phương, nhất là cấp cơ sở còn lúng túng trong tổ chức triển khai thực hiện.

- Các biểu mẫu theo quy định tại Thông tư số 10/2022/TT-BLĐTBXH

⁷ (1) Tại tiểu Dự án 1 Dự án 4 Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững, Quyết định số 90/QĐ-TTg có nội dung hỗ trợ "cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo" trên địa bàn tỉnh Điện Biên hiện nay có 12 cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp gồm 3 trường Cao đẳng và 09 Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện. Tuy nhiên theo quy định tại Điều 5 Luật Giáo dục nghề nghiệp và Điều 44 Luật Giáo dục, mô hình Trung tâm GDNN-GDTX là cơ sở giáo dục mà không phải là cơ sở giáo dục nghề nghiệp, nên các đơn vị này không thuộc đối tượng được đầu tư hỗ trợ hỗ trợ sửa chữa, mua sắm máy móc, trang thiết bị, phương tiện đào tạo từ nguồn vốn của Chương trình. (2) Chưa có quy định hướng dẫn việc xác định đối với "người có thu nhập thấp"; (3) Mức hỗ trợ tiền ăn đối với người học nghề ngắn hạn thấp (theo điểm a khoản 2, Điều 5 Quyết định số 46/2015/QĐ-TTg ngày 28/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ; điểm b khoản 2 Điều 7 Thông tư số 152/2016/TT-BTC ngày 17/10/2016 của Bộ Tài chính hiện nay là 30.000 đồng/người/ngày thực học).

⁸ Theo Điều 10 Nghị quyết số 10/2022/NQ-HĐND ngày 08/7/2022 của HĐND tỉnh Điện Biên, thực hiện Dự án 5 hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo các huyện nghèo phải bố trí 10 triệu đồng để hỗ trợ nhà ở bằng nguồn ngân sách địa phương và nguồn xã hội hoá.

ngày 31/5/2022 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 còn phức tạp, một số chỉ tiêu khó tổng hợp nhất là đối với cơ sở dẫn đến việc tổng hợp chưa đạt kết quả cao. Một số tiêu chí tài sản về rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30/3/2022, chưa phù hợp với tính chất vùng miền.

2. Nguyên nhân

2.1. Nguyên nhân khách quan

- Các hộ nghèo, cận nghèo phần lớn là hộ đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn sinh sống rải rác tại các xã đặc biệt khó khăn và xã khó khăn, trình độ dân trí thấp, không đồng đều; cơ sở hạ tầng thiết yếu còn yếu kém chưa đồng bộ, điều kiện thực tế về đời sống, sản xuất kinh doanh tại các địa bàn vùng cao, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số kém phát triển, còn gặp nhiều khó khăn, thiếu thốn.

- Số lượng các văn bản quy định, hướng dẫn liên quan đến tổ chức triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo quá nhiều, nhiều nội dung mới ban hành đã phải sửa đổi, bổ sung nên khó khăn cho việc triển khai thực hiện.

- Các cơ sở cung cấp con giống, vật nuôi trên địa bàn chưa đáp ứng được theo Luật Chăn nuôi do đó khó khăn trong việc cung ứng giống.

2.2. Nguyên nhân chủ quan

- Đối với cấp Trung ương: Các bộ, ngành Trung ương chưa ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện các Chương trình để tổ chức triển khai thực hiện. Đến thời điểm báo cáo, tuy các Bộ, ngành đã ban hành các văn bản để sửa đổi, bổ sung, trả lời, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho các địa phương, nhưng vẫn còn một số nội dung phải chờ các bộ, ngành quy định sửa đổi, bổ sung⁹; mặc dù về số lượng các văn bản quản lý đến nay cơ bản đã hoàn thành, nhưng một số văn bản hướng dẫn thực hiện các chương trình còn thiếu hoặc viện dẫn nhiều văn bản để thực hiện một nội dung.

- Một số chính sách có sự chồng chéo về đối tượng và phạm vi thực hiện: Như nội dung hỗ trợ đào tạo nghề và xuất khẩu lao động được thực hiện tại cả 2 Chương trình mục tiêu quốc gia: Giảm nghèo bền vững và Phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi¹⁰.

- Đối với cấp tỉnh: Một số thành viên Ban Chỉ đạo còn thiếu chủ động trong kiểm tra, đôn đốc cấp cơ sở thực hiện; một số sở, ban, ngành được phân công giúp các xã đặc biệt khó khăn triển khai thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế xã hội, giảm nghèo bền vững còn hạn chế.

- Đối với cấp huyện: Vai trò chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn, kiểm tra, đôn

⁹ (1) Quy định lao động có thu nhập thấp; (2) Các Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp - Giáo dục thường xuyên cấp huyện không là đối tượng thụ hưởng của chương trình về hỗ trợ "cơ sở vật chất, thiết bị, phương tiện đào tạo cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh có huyện nghèo".

¹⁰ Tại Tiêu dự án 1, Tiêu dự án 2 Chương trình MTQG GNBV và Tiêu dự án 3 Dự án 5 Chương trình MTQG Phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi đều có nội dung hỗ trợ đào tạo nghề và xuất khẩu lao động

độc của một số UBND và các phòng ban chuyên môn cấp huyện chưa quyết liệt, chưa thường xuyên, liên tục; công tác triển khai thực hiện Chương trình, chính sách hỗ trợ sản xuất còn thấp. Chưa có nhiều giải pháp phù hợp thực hiện chương trình tại địa phương; các đơn vị thực hiện xây dựng kế hoạch và thực hiện kiểm tra còn chậm; công tác báo cáo chưa đảm bảo chất lượng cũng như chưa đúng biểu mẫu, thời gian theo quy định.

- Đối với cấp xã và hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Một số cấp ủy, chính quyền xã chưa tập trung, quyết liệt triển khai thực hiện chương trình. Xác định các mục tiêu, giải pháp thực hiện còn chung chung, chưa cụ thể; công tác triển khai thực hiện các Chương trình còn lúng túng, đặc biệt là liên quan đến các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hoá sinh kế và nhân rộng mô hình (một số ít cán bộ có tâm lý sợ sai, sợ trách nhiệm do đó chưa quyết tâm triển khai thực hiện). Đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở trình độ còn hạn chế, nên ảnh hưởng lớn đến việc tổ chức thực hiện các chương trình, dự án tại địa phương. Đối với hộ nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số: Một bộ phận người dân còn trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nên chưa quyết tâm vươn lên thoát nghèo; một số hộ còn muốn rơi vào diện hộ nghèo để thụ hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước.

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với Quốc hội, Chính phủ

- Việc thực hiện chỉ tiêu giao của Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 theo Quyết định số 652/QĐ-TTg ngày 28/5/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Thông báo số 1119/TB-UBND ngày 28/6/2024 của Ủy ban Dân tộc, đến năm 2025 tỉnh Điện Biên phải có **45** xã và **478** thôn ra khỏi địa bàn đặc biệt khó khăn là rất khó thực hiện, kính đề nghị Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Dân tộc xem xét (*UBND tỉnh đã có đề xuất, kiến nghị tại các báo cáo: Số 3334/BC-UBND ngày 04/8/2023, số 1928/BC-UBND ngày 25/4/2024 và số 3348/BC-UBND ngày 26/7/2024*).

- Quan tâm, tăng cường hỗ trợ vốn đầu tư cho tỉnh để thực hiện đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống nhân dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Tạo điều kiện cho Tỉnh được tiếp cận với các nguồn vốn hỗ trợ của các tổ chức nước ngoài, phi chính phủ hỗ trợ đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

- Có chính sách tiếp tục hỗ trợ từ 2 - 3 năm đối với các xã sau khi công nhận đạt chuẩn nông thôn mới từ xã Khu vực II, Khu vực III về khu vực I tiếp tục được hưởng chế độ chính sách khu vực II, III, để đảm bảo công tác an sinh xã hội trên địa bàn nông thôn, đặc biệt đối với các đối tượng hộ dân tộc thiểu số, hộ mới thoát nghèo.

2. Đối với các bộ, ngành, cơ quan liên quan ở Trung ương

a) Ủy ban Dân tộc

- Xem xét, tổng hợp điều chỉnh bổ sung đối tượng hỗ trợ của Tiểu dự án

2, Dự án 3 cụ thể: “Các hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; hộ đang sinh sống ổn định tại xã, thôn (bản) vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Ưu tiên hộ nghèo do phụ nữ làm chủ hộ và là lao động duy nhất, trực tiếp nuôi dưỡng người thân không còn khả năng lao động hoặc chưa đến độ tuổi lao động” theo đề nghị của UBND tỉnh tại Công văn số 5222/UBND-KT ngày 10/11/2023.

- Tại tiêu đề của tiêu dự án 2 thuộc dự án 3: Đề nghị bỏ cụm từ « vùng trồng dược liệu quý» để thuận tiện cho các địa phương tổ chức thực hiện

- Sớm ban hành hướng dẫn cụ thể việc sử dụng nguồn kinh phí xây dựng cổng thông tin thành phần Chương trình; Bộ cơ sở dữ liệu, hệ thống phần mềm thông tin báo cáo phục vụ kiểm tra giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình để triển khai thực hiện Đề án “Chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025.

b) Bộ Lao động - Thương Binh và Xã hội

Xem xét tiếp tục điều chỉnh một số tiêu chí tài sản quy định tại Thông tư số 02/2022/TT- BLĐTBXH ngày 30/3/2022, để một số tiêu chí tài sản quy định phù hợp với tính chất vùng miền hơn tạo thuận lợi trong việc xác định mức độ chính xác trong công tác rà soát hộ nghèo. Sớm hoàn thiện, triển khai hệ thống phần mềm quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo thống nhất, làm cơ sở cập nhật, khai thác dữ liệu.

c) Bộ Tài chính

Đề nghị Bộ Tài chính điều chỉnh, nâng mức hỗ trợ quy định tại Khoản 4, Điều 76 Thông tư số 55/2023/TT-BTC, ngày 15/8/2023 của Bộ Tài chính để đảm bảo đầu tư, hỗ trợ cho hoạt động của đài truyền thanh xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn tại các xã có địa bàn rộng.

V. PHƯƠNG HƯỚNG, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN NĂM 2025

1. Tiếp tục xây dựng và ban hành văn bản cụ thể hóa toàn bộ các cơ chế, chính sách, văn bản chỉ đạo, điều hành, hướng dẫn do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành liên quan giao (nếu có) để thực hiện 03 Chương trình mục tiêu quốc gia.

2. Đảm bảo hoàn thành công tác chuẩn bị đầu tư dự án còn lại để thực hiện phân bổ chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 theo đúng thời gian quy định (phân bổ toàn bộ kế hoạch đầu tư vốn NSNN hằng năm trước ngày 31/12/2024) làm cơ sở cho các chủ đầu tư thực hiện giải ngân ngay từ đầu năm và đồng thời đẩy nhanh tiến độ thanh quyết toán đối với các dự án đã hoàn thành của 03 Chương trình MTQG trong năm 2025.

3. Kịp thời thực hiện rà soát điều chỉnh theo thẩm quyền hoặc đề xuất cấp có thẩm quyền điều chỉnh kế hoạch vốn trung hạn và năm 2025 của các dự án chậm tiến độ, các dự án hết nhu cầu giải ngân, chậm giải ngân sang các dự án có tiến độ giải ngân tốt, có nhu cầu bổ sung vốn để đẩy nhanh tiến độ thực hiện.

4. Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc các dự án chuyên tiếp, đảm bảo chất lượng và tiến độ thi công đặt ra; tăng cường giám sát các nhà thầu thi công, kiên quyết xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật các trường hợp vi phạm, làm ảnh hưởng đến chất lượng, tiến độ dự án; đặc biệt quan tâm đến chất lượng các dự án giao cho cấp xã, phường thực hiện.

5. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nội dung chính sách của Chương trình; kịp thời chỉ đạo xử lý những bất cập, vướng mắc phát sinh và đề xuất với Chính phủ, các bộ, ngành trung ương sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: KH&ĐT, TC, NN&PTNT, LĐ-TB&XH;
- Ủy ban Dân tộc;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Thành viên BCĐ các CTMTQG tỉnh;
- Lưu: VT, KT, KGVX, TH, KTN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Đức Toàn